

## HOẠT ĐỘNG NGOẠI THƯƠNG, ĐẦU TƯ VÀ HỢP TÁC KINH TẾ VỚI BÊN NGOÀI CỦA VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA TỪ 1993 ĐẾN 2013

**Trần Hải Định**

*Học viện Hành chính Huế*

Ngày nhận bài 25/8/2018, ngày nhận đăng 28/10/2018

**Tóm tắt:** Nghiên cứu này góp phần làm rõ những chính sách chủ yếu của Chính phủ Campuchia, phân tích những biểu hiện phát triển của ngoại thương, đầu tư và hợp tác kinh tế của Campuchia từ năm 1993 đến năm 2013 với 2 giai đoạn (1993 - 2002 và 2003 - 2013). Mặc dù quy mô, mức độ, cơ cấu phát triển các lĩnh vực này ở mỗi giai đoạn có khác nhau, nhưng hoạt động ngoại thương ở Campuchia từ năm 1993 đến năm 2013 vẫn phát triển theo hướng tăng xuất khẩu; hoạt động thu hút đầu tư và tiếp nhận đầu tư theo hướng mở; hoạt động hợp tác kinh tế phát triển theo hướng vừa duy trì, phát triển hợp tác truyền thống, vừa mở rộng đối tác toàn cầu, trong đó, có sự ảnh hưởng mạnh mẽ từ đối tác Trung Quốc.

### **1. Hoạt động ngoại thương, đầu tư và hợp tác kinh tế của Campuchia từ năm 1993 đến năm 2013**

#### **1.1. Ngoại thương**

Sau Chiến tranh Lạnh, hoạt động ngoại thương của Campuchia có bước phát triển khởi sắc. Điều này là do một mặt, Chính phủ Hoàng gia Campuchia quan tâm đến các hoạt động ngoại thương, mặt khác, lại ban hành các chính sách tạo điều kiện để thúc đẩy ngoại thương phát triển.

Bắt đầu từ năm 1993, Quốc hội Campuchia đã có nhiều chủ trương nhằm thúc đẩy hoạt động thương mại đối ngoại như: khuyến khích xuất khẩu hàng hoá dịch vụ, giảm tỷ lệ hàng hoá nhập khẩu và tiến tới chấm dứt nhập khẩu các hàng hoá thành phẩm mà trong nước có khả năng xuất khẩu; thực hiện chính sách thuế đối với các hàng hoá nhập khẩu phục vụ sản xuất; quy định rõ những mặt hàng xuất và nhập khẩu. Việc nước ngoài đầu tư vốn vào Campuchia sẽ được đảm bảo bằng các quy định, được đảm bảo về dịch vụ công cộng về miễn trừ một phần hoặc toàn phần, tạm thời hoặc thường xuyên đối với mức thuế phải đóng về quyền được phép chuyển nhượng hoặc chuyển lợi tức ra nước ngoài, về khả năng nhập khẩu máy móc thiết bị và các nguyên liệu cần thiết cho công việc của họ.

Từ quan điểm chỉ đạo này, Chính phủ Hoàng gia đã đưa ra nhiều biện pháp về hoạt động ngoại thương như: năm 1993, loại bỏ các yêu cầu cấp phép xuất nhập khẩu hầu hết các loại hàng hoá đối với các công ty có đăng ký; sử dụng 4 loại lãi suất (7%, 15%, 35%, 50%) đối với 93% các loại hàng hoá bị đánh thuế; năm 1996, loại bỏ hạn ngạch và các hạn chế số lượng đối với hàng hoá xuất nhập khẩu, ngoại trừ gỗ, gỗ xẻ, đồ cổ và gạo. Việc Phnôm Pênh trở thành một gạch nối giữa Băng Cốc (Thái Lan) với thành phố Hồ Chí Minh (Việt Nam) góp phần đưa Campuchia dần trở thành trung tâm mậu dịch quá cảnh của khu vực. Hàng xuất khẩu hợp pháp của Campuchia năm 1995 đạt giá

trị 404 triệu USD (chiếm gần 17% GDP), hàng tái xuất khẩu đạt giá trị 597 triệu USD. Hai loại hàng xuất khẩu và tái xuất khẩu tăng xấp xỉ 4 lần so với năm 1990. Trong đó, gỗ xây dựng xuất khẩu chiếm 85% năm 1994 và 70% năm 1995, hàng may mặc xuất khẩu đạt 27,5 triệu USD, tăng gấp 9 lần năm 1994. Tuy vậy, xuất khẩu hàng nông sản năm 1995 vẫn thấp hơn mức những năm 60. Năm 1996, kim ngạch xuất khẩu tăng 11% so với năm 1995, 60% hàng xuất khẩu của Campuchia là vào các nước ASEAN như hàng hoá tiêu dùng, xe ô tô, xe máy, thiết bị điện, thuốc lá, đồ uống. Trong số này có một số lượng rất lớn được tái xuất sang các nước, chủ yếu là Việt Nam, bằng con đường chính thức hoặc không chính thức. Khối lượng xuất nhập khẩu tăng trưởng nhanh trong nửa sau thập kỷ 90, tuy quy mô vẫn còn rất nhỏ và nhập siêu vẫn chiếm tỷ lệ cao so với xuất khẩu. Năm 1996, xuất khẩu Campuchia đạt mức cao nhất là 643,6 triệu USD, nhập khẩu đạt 1.071,8 triệu USD. Như vậy, nhập siêu đạt tỷ lệ 2/3 so với kim ngạch xuất khẩu. Tổng nhập khẩu năm 1998 là 775 triệu USD, năm 1997 là 707 triệu USD. Số liệu thống kê của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) cho thấy, tăng trưởng xuất khẩu của Campuchia là 37,7% năm 1999 so với 4,2% năm 1998. Năm 1999, ngoại thương đạt 1,6 tỷ USD. Nhờ Chính phủ nói lỏng chính sách cho phép nước ngoài sở hữu 100% các công ty xuất, nhập khẩu (từ tháng 1/2000) mà xuất khẩu trong cả năm này đạt 1 tỷ USD, tăng so với năm 1999 là 0,8 tỷ USD. Ngành dệt may, ngành xuất khẩu chủ yếu của Campuchia đang gặp một số khó khăn về thị trường xuất khẩu và sự bất ổn của lực lượng lao động. Tuy nhiên, cuối năm 2000, tình hình đã tốt hơn khi Mỹ đồng ý tăng thêm 55 hạn ngạch hàng dệt may của Campuchia và thoả thuận của EU đảm bảo cho ngành dệt may của Campuchia xuất khẩu không hạn chế vào thị trường này cho tới năm 2002.

Hàng hoá nhập khẩu của Campuchia từ các nước xã hội chủ nghĩa chiếm 23% (năm 1989), đến năm 1995 đã giảm xuống còn 7%, ngược lại tỷ lệ phần nhập khẩu từ các nước ASEAN lại tăng từ 5% (1989) lên 69% (1995). Mặc dù hoạt động ngoại thương trở nên nhộn nhịp hơn, song lợi nhuận do lĩnh vực này đưa lại không phải hoàn toàn là nguồn thu nhập của Nhà nước, do sự thao túng của các đại thương nhân. Tuy còn mất cân đối trong cán cân thanh toán thương mại, nhưng Chính phủ Campuchia đã thành công trong việc hoà nhập chế độ mậu dịch của mình với các nước láng giềng trong khu vực. Với những thành công này, Campuchia được công nhận là quan sát viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) năm 1995. Việc Campuchia ký Hiệp định thương mại tự do song phương với Mỹ (1996) đã góp phần hạ thấp thuế quan trung bình của Mỹ từ 60% xuống 15%. Bên cạnh đó, việc đẩy mạnh quá trình hội nhập kinh tế khu vực cũng giúp cho nước này có thể được hưởng các lợi thế về quyền thương mại đặc biệt trong Quy chế Tối huệ quốc (MFN) và Hệ thống Ưu đãi phổ cập (GSP). Chính những lợi thế này đã giúp cho Campuchia trở thành nơi thu hút FDI, đẩy mạnh các hoạt động xuất nhập khẩu.

Từ đây, ngoại thương của Campuchia cũng đã có những bước phát triển mạnh mẽ. Về xuất khẩu, giá trị xuất khẩu của Campuchia có mức tăng trưởng khá nhanh trong thời kỳ 1993 - 2002, từ mức 283 triệu USD năm 1993 đã tăng lên 1.770 triệu USD năm 2002, tức là giá trị tăng hơn 6,2 lần trong vòng 10 năm. Tuy nhiên, mức tăng trưởng xuất khẩu cũng khá thất thường, tùy thuộc vào điều kiện kinh tế quốc tế. Trong đó, trong 2 năm 1993 - 1994 có mức tăng trưởng cao nhất, hơn 70%, sau đó mức tăng trưởng giảm

dần, thậm chí tăng trưởng âm như năm 1996 là -24,6%, 1998 là -6,9%. Trong hai năm 1999 - 2000, mức tăng trưởng khá cao, với 40,9% và 23,6% và hai năm 2001 - 2002 đạt mức thấp hơn 12,5% và 12,6%. Tương tự, nhập khẩu cũng có mức tăng trưởng nhanh từ 471 triệu USD tăng lên 2.360 triệu USD khiến cho Campuchia là nước nhập siêu trong thương mại quốc tế [5].

Sau khi gia nhập WTO năm 2003, Campuchia đã thực sự tái hội nhập vào kinh tế khu vực và toàn cầu. Với việc gia nhập các thể chế hợp tác khu vực, nước này đã thi hành một chính sách thương mại mở. Trong chính sách Tứ giác giai đoạn I (2004 - 2008), giai đoạn II (2009 - 2013) cũng như Kế hoạch phát triển chiến lược (2006 - 2010), Campuchia đều coi liên kết khu vực và thế giới là một trong bốn điều kiện cơ bản của môi trường thực hiện chiến lược, trong đó, coi ngoại thương là một nguồn tăng trưởng kinh tế chủ yếu và giảm đói nghèo. Trong chính sách ngoại thương, Chính phủ chủ trương thực hiện chính sách tự do hoá và mở cửa thị trường, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hút FDI nhằm phát triển các ngành kinh tế hướng về xuất khẩu.

Đến năm 2013, chỉ trong vòng 10 năm, tổng giá trị ngoại thương Campuchia tăng nhanh, từ mức 3.111 triệu USD năm 2003 lên 8.885 triệu USD năm 2009 và 14.896 triệu USD năm 2013, tức là kim ngạch ngoại thương đã tăng gần 5 lần. Với kim ngạch ngoại thương năm 2013 đạt 14.896 triệu USD, Campuchia trở thành một trong những nước có nền kinh tế mở của khu vực khi tỷ trọng giữa tổng kim ngạch ngoại thương và GDP đã đạt tỷ lệ 96% [7].

Trong những năm 2003 - 2013, cán cân ngoại thương của Campuchia không ổn định giữa xuất siêu và nhập siêu: từ năm 2008 đến 2010, Campuchia là nước xuất siêu nhưng 3 năm tiếp đó (2010 - 2013) lại là nước nhập siêu [Bảng 1], [7].

**Bảng 1:** Kim ngạch, cán cân xuất nhập khẩu của Campuchia giai đoạn 2003 - 2013

(đơn vị triệu USD; số trong ngoặc là tốc độ tăng trưởng so với năm liền trước, ĐVT:%)

Nội dung	Năm			
	2003	2006	2009	2013
Xuất khẩu	1.312 (-31,6)	3.561 (18,17)	4.985 (14,39)	6.665 (15,0)
Nhập khẩu	1.799 (8,1)	2.985 (17,15)	3900 (-11,69)	8.231 (10,24)
Cán cân thương mại	-487,0	576,4	1.085	-1.565

Thống kê cho thấy, trong những năm 2003 - 2013, xuất khẩu tăng trưởng nhanh nhất vào các năm 2004 với tốc độ tăng 113%, 2006 (18,17%), 2008 (23,63%), 2011 (19,9%) và nhập khẩu tăng trưởng nhanh vào các năm 2005 (23,61%), 2008 (24,46%), 2010 (26,21%), 2011 (24,6%), 2012 (21,7%). Campuchia có cán cân thương mại dư thừa vào các năm 2004 - 2006, 2009 - 2011 nhưng trở nên thâm hụt thương mại trong 2 năm 2012 - 2013. [4]

Trong giai đoạn này, cơ cấu xuất khẩu của Campuchia đã có sự chuyển hướng theo hướng đa dạng hóa hơn với việc giảm tỷ trọng xuất khẩu các mặt hàng may mặc, tăng tỷ trọng xuất khẩu các mặt hàng như các sản phẩm điện tử, lúa gạo. Nếu như năm 2003, xuất khẩu các sản phẩm may mặc chiếm 95,3% tổng giá trị xuất khẩu thì năm 2013, tỷ trọng xuất khẩu mặt hàng này giảm còn 77,1%. Trong khi đó, xuất khẩu các sản phẩm điện tử, xe đạp... tăng từ 3,6% năm 2003 lên 16,6% năm 2013, xuất khẩu gạo cũng

tăng từ con số 0 lên 3,8% cùng thời kỳ nêu trên [6].

Đặc biệt, kể từ năm 2009, Campuchia bắt đầu xuất khẩu gạo ra nước ngoài. Riêng năm 2013, Campuchia đã xuất khẩu 378.856 tấn gạo ra nhiều nước trên thế giới, trong đó có Mỹ, Hàn Quốc, EU, Nhật Bản... [Bảng 2], [11]

**Bảng 2:** Xuất khẩu gạo của Campuchia trong những năm 2009 - 2013

(ĐVT: tấn)

Tháng	Năm				
	2009	2010	2011	2012	2013
1	360	10.012	6.798	9.703	25.726
2	792	13.644	5.089	14.417	24.089
3	1.248	5.062	12.534	12.310	45.413
4	664	17.287	17.946	15.036	23.276
5	399	5.499	20.520	13.115	28.350
6	316	4.274	17.990	13.426	29.105
7	226	15.030	12.703	20.527	31.411
8	673	5.997	20.404	15.530	29.358
9	956	4.744	14.384	15.169	29.395
10	2.964	6.078	19.067	16.967	28.031
11	1.690	7.988	9.559	25.189	37.855
12	2.325	9.645	44.905	34.328	46.847
<b>Tổng</b>	<b>12.613</b>	<b>105.259</b>	<b>201.899</b>	<b>205.717</b>	<b>378.856</b>

Về biến động thị trường, năm 2003, xuất khẩu của Campuchia đến Mỹ đứng đầu với 7321,7 triệu USD (chiếm 55% tổng giá trị xuất khẩu), tiếp đó là EU: 266 triệu USD (chiếm 20,28%), ASEAN: 189 triệu USD (chiếm 14,38%). Nhập khẩu của Campuchia năm 2003 đứng đầu là từ các nước NIEs (các nền kinh tế Công nghiệp hóa mới) với 821 triệu USD (chiếm 45,66% tổng giá trị nhập khẩu), tiếp đó là ASEAN: 656 triệu (chiếm 36,49%), Trung Quốc: 228 triệu (chiếm 12,7%) và EU: 73 triệu (chiếm 4,06%). Năm 2013, thị trường xuất nhập khẩu của Campuchia có sự thay đổi, tuy không lớn. Trong đó, xuất khẩu tới EU đứng đầu với 2.389 triệu USD (chiếm 35,84%), tiếp đó là Mỹ: 2.005 triệu USD (chiếm 30,08%), ASEAN: 526 triệu USD (chiếm 7,9%), Canada: 459 triệu USD (chiếm 6,89%), Trung Quốc: 266 triệu USD (chiếm 4%), các nước NIEs: 228 triệu USD (chiếm 3,43%). Về nhập khẩu, năm 2013, Campuchia nhập khẩu nhiều nhất từ Trung Quốc với 2.992 triệu USD (chiếm 36,35%), tiếp đó là ASEAN: 2.815 triệu USD (chiếm 34,2%), các nước NIEs: 1.903 triệu USD (chiếm 23,12%), EU: 249 triệu USD (chiếm 3,03%), Mỹ: 180 triệu USD (chiếm 2,19%) [7].

### **1.2. Hoạt động đầu tư**

Sau khi chuyển sang nền kinh tế thị trường, nhằm thu hút đầu tư trong và ngoài nước, Chính phủ Campuchia đã ban hành và từng bước hoàn thiện thêm Luật đầu tư (8/1994). Bộ luật mới này đã chọn Ủy ban Phát triển Campuchia (CDC) là tổ chức dịch vụ (một cửa vào), chịu trách nhiệm khôi phục và phát triển các hoạt động đầu tư. Luật đầu tư đảm bảo: không quốc hữu hoá tài sản của nhà đầu tư; không có sự điều chỉnh giá

cả sản phẩm hoặc dịch vụ các nhà đầu tư đã đăng ký sản xuất; được phép gửi ngoại tệ ở các ngân hàng nước ngoài; dự án sẽ được cấp phép sau 45 ngày khi Ủy ban Khôi phục và phát triển Campuchia (CRDC) nhận được hồ sơ đầy đủ. Với những nỗ lực của Chính phủ trong việc cải cách về cơ chế, hoạt động đầu tư ở Campuchia trong những năm 1993 - 2013 có những chuyển biến tích cực.

Về quy mô, số lượng các dự án đầu tư: chỉ trong vòng 25 tháng (từ tháng 8/1994 đến tháng 9/1996), Ủy ban Đầu tư Campuchia đã tiếp nhận và chấp nhận 330 đơn xin đầu tư với số vốn đăng ký 2,8 tỷ USD. Trong số những đơn xin đầu tư này có 42 đơn thuộc các công ty trong nước, 124 của các công ty nước ngoài và 164 đơn của các liên doanh. Theo Ngân hàng Thế giới (WB, 1996) các đơn xin đầu tư được chấp thuận đã bắt đầu đi vào hoạt động từ tháng 9/1995, 29 trong số đó có số vốn đăng ký từ 1 triệu USD trở lên, và 4 đơn xin đầu tư khác có số vốn đăng ký từ 10 triệu USD trở lên. Nếu như năm 1994, Campuchia mới chỉ có 26 dự án với số vốn khoảng 498 triệu USD thì ngay năm 1995, số dự án đã lên tới 124 với tổng vốn đầu tư đạt mức cao nhất trong cả thời kỳ là 2.243 triệu USD. Trong 3 năm tiếp theo (1996 - 1998), số dự án đầu tư có tăng nhưng tổng vốn đầu tư lại giảm so với năm 1995. Cho đến năm 2002, tổng số dự án đầu tư trực tiếp (FDI) vào Campuchia đạt 894 dự án với tổng vốn đạt 6.012 triệu USD.

Từ năm 2003, FDI vào Campuchia không ổn định. Trong những năm 2003 - 2006, FDI chỉ đạt mức thấp do những bất ổn chính trị sau cuộc tổng tuyển cử 2003, từ mức 84 triệu USD năm 2003 lên 131 triệu USD năm 2004 và 483 triệu USD năm 2006. Trong những năm 2007 - 2011, FDI thường đạt mức trung bình 800 - 900 triệu USD, trừ năm 2009 là năm bị tác động của khủng hoảng, chỉ đạt 539 triệu USD. Trong 2 năm 2012 - 2013, tổng FDI vào Campuchia đạt mức cao nhất của thời kỳ khi vốn FDI lần lượt là 1.557 triệu USD và 1.275 triệu USD [1; tr. 123-124].

Về phương thức, hình thức đầu tư: Phương thức đầu tư của các đối tác nước ngoài vào Campuchia giai đoạn này chủ yếu là đầu tư vốn FDI (Foreign Direct Investment). Đây là hình thức đầu tư dài hạn của cá nhân và công ty nước này vào Campuchia bằng cách thiết lập cơ sở sản xuất, kinh doanh. Trong đó, các nhà đầu tư sẽ nắm quyền quản lý cơ sở sản xuất kinh doanh đặt tại Campuchia.

Về khu vực đầu tư và cơ cấu vốn đầu tư: Vốn FDI tập trung vào khu vực công nghiệp đạt mức cao nhất cho cả thời kỳ với 671 dự án, tổng vốn đạt 2.284 triệu USD, tiếp đó là du lịch với 63 dự án nhưng tổng vốn là 2.134 triệu USD, dịch vụ 78 dự án, tổng vốn 1.274 triệu USD và cuối cùng là nông nghiệp với 82 dự án và 320 triệu USD [2]. Về cơ cấu vốn, FDI chủ yếu đầu tư vào may mặc với số vốn chiếm 70,14%, nông nghiệp 13,19%, dịch vụ 6% và du lịch 9,9% [8].

Về đối tác đầu tư: Trong giai đoạn 1993 - 2013, các đối tác đầu tư hàng đầu vào Campuchia chủ yếu là Trung Quốc, Hàn Quốc, Malaysia, Anh, Mỹ.

### **1.3. Hợp tác kinh tế**

Việc Campuchia gia nhập ASEAN, tham gia Khu vực Mậu dịch Tự do ASEAN (AFTA) và sau đó là gia nhập WTO đã khẳng định chính sách hội nhập mạnh mẽ của Campuchia. Trong giai đoạn 1993 - 2013, Campuchia đã thực hiện các nghĩa vụ của một nước thành viên của tổ chức: tham gia thực hiện các Hiệp định kinh tế của ASEAN như Hiệp định Thuế quan ưu đãi có hiệu lực chung, tạo cơ sở cho việc hình thành AFTA và

các hiệp định trong lĩnh vực đầu tư và tự do hoá ngành dịch vụ.

Bên cạnh việc tham gia vào quá trình hợp tác kinh tế khu vực ASEAN và các tổ chức kinh tế thế giới, Campuchia còn hợp tác kinh tế song phương với một số nước khác như Nhật Bản, Ấn Độ, Nga và tiếp tục duy trì hợp tác kinh tế với các nước láng giềng (Việt Nam, Lào, Thái Lan).

- **Đối với Việt Nam:** Quan hệ thương mại Việt Nam - Campuchia trong những năm 2003 - 2013 có bước phát triển mạnh mẽ cả về tổng kim ngạch và cơ cấu mặt hàng. Sau khi hai nước ký kết Hiệp định Thương mại (1998), tổng kim ngạch thương mại hai chiều tăng lên mạnh mẽ. Năm 1998, kim ngạch xuất nhập khẩu giữa hai nước đạt 117 triệu USD; năm 2000, kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 170 triệu USD. Trong vòng 5 năm (2001 - 2006), tổng kim ngạch thương mại đã tăng 5 lần, từ 184 triệu USD lên 934 triệu USD. Năm 2007, tổng kim ngạch thương mại giữa hai nước đạt con số 1,181 tỷ USD. Trong đó, Việt Nam xuất sang Campuchia trị giá gần 1 tỷ USD và Campuchia xuất sang Việt Nam khoảng 200 triệu USD. Trong giai đoạn này, Campuchia là thị trường xuất khẩu lớn thứ 16 của Việt Nam và Việt Nam là nhà xuất khẩu lớn thứ 4 vào Campuchia sau Trung Quốc, Thái Lan, Hong Kong. Ngược lại, Campuchia là nước xuất khẩu lớn thứ 25 vào Việt Nam và Việt Nam là thị trường xuất khẩu lớn thứ 3 của Campuchia sau Mỹ và EU. Năm 2013, kim ngạch thương mại song phương giữa hai nước đạt 3,431 tỷ USD, trong đó, Việt Nam xuất sang Campuchia 2,926 tỷ USD [3].

Với sự quan tâm của chính phủ hai nước, sự nỗ lực của các nhà đầu tư và các doanh nghiệp, hoạt động đầu tư của Việt Nam ở Campuchia trong những năm đầu thế kỷ XXI không ngừng phát triển. Trong giai đoạn 1999 - 2010, số lượng dự án đầu tư của các tập đoàn, doanh nghiệp Việt Nam tại Campuchia tăng nhanh cả về số lượng lẫn qui mô, đặc biệt, trong các năm 2006 - 2010, các doanh nghiệp Việt Nam đã đầu tư vào Campuchia gần một trăm dự án với số vốn đăng ký khoảng 1,2 tỷ USD. Tính đến hết năm 2013, tổng số vốn đầu tư đăng ký của Việt Nam vào Campuchia đạt trên 3 tỷ USD với 127 dự án, gấp gần 6 lần về tổng vốn đầu tư và trên 3 lần về số lượng dự án so với trước năm 2010, xếp thứ 5 trong số các nhà đầu tư nước ngoài tại Campuchia. Các dự án được triển khai đồng bộ trên các lĩnh vực trọng yếu, qua đó gia tăng tính chất quan trọng của hợp tác kinh tế, nhiều dự án lớn có tác động thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội Campuchia như nông, lâm nghiệp, năng lượng, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, viễn thông...

- **Đối với Thái Lan:** Tính đến thời điểm năm 2013, Thái Lan là nhà đầu tư lớn thứ 8 ở Campuchia với tổng số vốn đầu tư gần 900 triệu USD. Đặc biệt, trong lĩnh vực thương mại, Thái Lan là đối tác thương mại lớn nhất của Campuchia, kim ngạch xuất nhập khẩu giữa hai nước không ngừng gia tăng, năm 2012 đạt 4 tỉ USD, năm 2013 đạt 5 tỉ USD [9]. Ngoài ra, Thái Lan còn là nơi làm việc của khoảng 700.000 lao động Campuchia, những lao động này hàng năm đem về cho Campuchia một lượng ngoại tệ đáng kể.

- **Đối với Lào:** Về quan hệ kinh tế, với đặc điểm hai nước có nhiều tương đồng về tiềm năng như tài nguyên, lao động, điểm xuất phát phát triển kinh tế - xã hội cho nên hoạt động hợp tác kinh tế hai chiều chưa thực sự phát triển mạnh mẽ. Một số lĩnh vực như đầu tư, chuyển giao khoa học công nghệ hầu như ít diễn ra song phương giữa hai nước. Hoạt động hợp tác giữa Campuchia và Lào chủ yếu vẫn diễn ra theo con đường tiểu ngạch ở vùng biên giới hai nước.

- **Đối với Trung Quốc:** Quan hệ Campuchia - Trung Quốc nói chung và quan hệ kinh tế nói riêng đã phát triển mạnh mẽ nhất là từ khi hai bên quyết định thiết lập Quan hệ đối tác hợp tác toàn diện (tháng 4/2006). Trung Quốc trở thành “người bạn lớn số 1”, nhà đầu tư và cung cấp viện trợ lớn nhất, đối tác thương mại lớn thứ hai của Campuchia.

Đầu tư trực tiếp của Trung Quốc vào Campuchia ngày càng gia tăng từ 138 triệu USD năm 1998 tăng lên 461 triệu USD năm 2007. Năm 2008, Trung Quốc vươn lên trở thành nhà đầu tư lớn nhất ở Campuchia với tổng số vốn lên đến 4,3 tỷ USD, chiếm hơn 40% tổng vốn đầu tư vào Campuchia. Tính đến năm 2008, vốn FDI của Trung Quốc chiếm đến 23,97% trong tổng số 25,75 tỉ USD vốn FDI ở Campuchia. Theo Báo cáo của Hội đồng Đầu tư Campuchia, trong giai đoạn 1994 - 2013, Trung Quốc có 492 dự án đầu tư ở Campuchia với tổng số vốn lên đến 9.611.420.501 USD, chiếm 20,03% FDI của Campuchia [3].

Về viện trợ phát triển, tính đến cuối năm 2013, tổng số viện trợ phát triển của Trung Quốc cho Campuchia đã lên đến con số 2,935 tỉ USD, bao gồm: 235 triệu USD viện trợ không hoàn lại; 200 triệu USD vốn vay không lãi; 820 triệu USD tính theo lãi suất đồng nhân dân tệ và 1,68 tỉ USD tính theo lãi suất đồng USD. Về thương mại, tổng kim ngạch thương mại giữa hai nước không ngừng gia tăng. Kim ngạch thương mại song phương giữa hai nước ngày càng tăng trưởng mạnh, từ 76 triệu USD năm 1996 lên 223,5 triệu USD vào năm 2000, đến năm 2011 lên hơn 2,5 tỷ USD. Đáng chú ý, sau khi quan hệ giữa hai nước được nâng lên thành Quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện, tổng kim ngạch thương mại song phương giữa hai nước năm 2011 tăng 73,5% so với năm 2010. Năm 2012, kim ngạch thương mại hai chiều giữa hai nước đạt 2,923 tỷ USD, tăng 17% so với cùng kỳ năm trước, trong đó tỉ trọng nhập khẩu của Campuchia từ Trung Quốc chiếm 34% kim ngạch nhập khẩu của Campuchia từ các nước. Kim ngạch thương mại song phương giữa Campuchia và Trung Quốc trong 9 tháng đầu năm 2013 đã lên đến 2,83 tỷ USD, tăng 31% so với cùng kỳ năm 2012.

- **Đối với Mỹ:** Mỹ là một trong những đối tác thương mại lớn của Campuchia. Năm 2013, tổng kim ngạch thương mại hai chiều Campuchia - Mỹ đạt hơn 3 tỉ USD (tăng 3% so với năm 2012). Theo thống kê của Bộ Thương mại Campuchia, năm 2011, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của Campuchia sang Mỹ đạt 1,98 tỉ USD, chiếm hơn 50% tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may của Campuchia. Năm 2015, kim ngạch xuất khẩu dệt may của Campuchia sang Mỹ đạt 3 tỉ USD [11]. Về đầu tư, theo Hội đồng Phát triển Campuchia, trong giai đoạn 1994 - 2013, Mỹ đã đầu tư vào Campuchia tổng số vốn lên đến 1,29 tỉ USD. Mỹ viện trợ kinh phí cho Campuchia để rà phá bom mìn, tổ chức các cuộc tập trận chung.

- **Đối với Nhật Bản:** Trong giai đoạn 2002 - 2013, quan hệ kinh tế Campuchia - Nhật Bản cũng có những bước phát triển đáng ghi nhận, nhất là từ khi quan hệ này đã được nâng lên thành Quan hệ đối tác chiến lược vào tháng 12/2013.

Nhật Bản là đối tác kinh tế quan trọng của Campuchia trong các lĩnh vực thương mại, đầu tư, đặc biệt là viện trợ phát triển (từ năm 1992 đến năm 2013, Nhật Bản đã viện trợ cho Campuchia 2,4 tỉ USD). Tính từ năm 1994 đến tháng 7/2014, tổng vốn đầu tư của Nhật Bản vào Campuchia là 822 triệu USD. Riêng từ năm 2012 đến 2014, con số này là 585,5 triệu USD, chiếm 70% tổng vốn đầu tư của Nhật Bản vào quốc gia Đông Nam Á này. Số lượng các doanh nghiệp Nhật Bản đăng ký kinh doanh tại Campuchia đã tăng

nhanh, từ 19 doanh nghiệp vào năm 2010, lên 195 doanh nghiệp năm 2013. Năm 2014, kim ngạch thương mại giữa hai nước đạt gần 1 tỉ USD, tăng 29% so năm 2013. Campuchia chủ yếu xuất khẩu hàng nông sản, thủy hải sản, dệt may sang Nhật Bản và nhập khẩu đồ gia dụng điện tử, phương tiện vận tải và máy móc xây dựng từ Nhật Bản.

Ngoài ra, trong những năm 2003 - 2013, Campuchia đã đẩy mạnh hợp tác kinh tế với các tổ chức như ASEAN và một số cơ chế hợp tác đa phương khác. Campuchia là thành viên tích cực trong các cơ chế hợp tác khu vực như Ủy hội Mekong quốc tế (MRC); Tiểu vùng sông Mekong mở rộng (GMS); Khu vực Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia (CLV); Chiến lược hợp tác kinh tế ba dòng sông Ayeyawadi - Chao Praya - Mekong (ACMECS); Hành lang kinh tế Đông Tây (WEC)... Bên cạnh đó, Campuchia cũng có quan hệ với EU tương đối chặt chẽ, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế, đưa EU trở thành là một trong những thị trường xuất khẩu lớn nhất của mình.

## **2. Nhận xét về hoạt động ngoại thương, đầu tư và hợp tác kinh tế của Vương quốc Campuchia (1993 - 2013)**

Sau hai thập kỷ khôi phục và phát triển đất nước (1993 - 2013), Campuchia đã bước vào thời kỳ đẩy mạnh phát triển kinh tế và tăng cường hội nhập khu vực và thế giới. Trong giai đoạn này, hoạt động ngoại thương, đầu tư và hợp tác kinh tế của Campuchia được thúc đẩy mạnh mẽ và bước đầu đạt được những kết quả quan trọng, góp phần quan trọng vào việc ổn định kinh tế vĩ mô của nước này. Chúng tôi đưa ra một số nhận xét sau:

Một là, quá trình phát triển ngoại thương, đầu tư và hợp tác kinh tế với nước ngoài của Campuchia có thể chia thành 2 giai đoạn (1993 - 2002 và 2003 - 2013) với mức độ khác nhau. Trong giai đoạn 1993 - 2002, Chính phủ Campuchia tập trung giải quyết nhiều vấn đề quan trọng của đất nước, ổn định chính trị và thực hiện các giải pháp nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển kinh tế vĩ mô. Hoạt động ngoại thương, đầu tư và hợp tác kinh tế với nước ngoài của Campuchia chủ yếu diễn ra chủ yếu bằng hình thức song phương với các đối tác láng giềng hoặc những nước vốn có quan hệ hợp tác truyền thống. Trong giai đoạn 2003 - 2013, trên cơ sở việc cải cách thể chế và tăng cường vai trò điều tiết của chính phủ, tình hình ngoại thương, đầu tư và hợp tác kinh tế của Vương quốc Campuchia có nhiều chuyển biến tích cực, đa dạng; Campuchia đã kết hợp cả hai hình thức song phương và đa phương khác...

Hai là, hoạt động ngoại thương phát triển đa dạng, có trọng tâm và theo hướng xuất khẩu. Thị trường xuất khẩu chính của Campuchia là Mỹ, EU, Trung Quốc, Thái Lan, Việt Nam. Xuất khẩu dệt may là ngành xuất khẩu mũi nhọn, đem lại nguồn thu chính từ xuất khẩu cho Campuchia. Cuối thập niên đầu thế kỷ XXI, Campuchia từng bước đẩy mạnh xuất khẩu lúa gạo và dầu mỏ bên cạnh những mặt hàng xuất khẩu truyền thống như dệt may, gỗ, cao su, cá, thuốc lá, giày dép... Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu: sản phẩm từ dầu mỏ, thuốc lá, vàng, vật liệu xây dựng, máy móc, xe cộ, dược phẩm...

Ba là, cơ chế thu hút đầu tư được cải thiện theo hướng mở, hoạt động đầu tư nước ngoài diễn ra mạnh mẽ, hiệu quả. Chính phủ Campuchia rất quan tâm đến sự phát triển của khu vực tư nhân, coi như là động cơ của sự tăng trưởng kinh tế và là đối tác chủ yếu của Chính phủ trong việc phát triển đất nước. Đồng thời trong các Chiến lược phát triển kinh tế, Chính phủ Campuchia luôn khẳng định hội nhập vào trong khu vực và thông



thương hoá quan hệ với cộng đồng quốc tế sẽ đảm bảo cho Campuchia thu hút được việc tài trợ nước ngoài và FDI nhiều hơn để phục vụ cho mục đích phát triển đất nước. Từ quan điểm đó, trong giai đoạn 1993 - 2013, Chính phủ Campuchia đã chủ trương mở cửa nền kinh tế nhằm thúc đẩy quá trình liên kết kinh tế ở trong nước và nước ngoài thông qua việc mở rộng quan hệ kinh tế với các nước thế giới trong đó có hợp tác đầu tư.

Bốn là, hợp tác kinh tế chuyển biến từ hợp tác truyền thống, láng giềng sang hợp tác toàn diện theo hướng toàn cầu. Trong giai đoạn 1993 - 2002, khi theo đuổi liên kết kinh tế nội khối ASEAN, Campuchia mong muốn đạt được mục tiêu phát triển hoà bình, xã hội công bằng thông qua thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nâng cao mức sống của người dân. Campuchia muốn thực hiện AFTA như là một môi trường để đào tạo, giúp nước này tham gia môi trường hợp tác rộng lớn hơn trong APEC và WTO. Chính vì vậy, cam kết của Campuchia đối với việc thực hiện AFTA đã đóng góp vào việc phát triển nguồn nhân lực, đào tạo thực hành và chuẩn bị tốt cho các khuôn khổ hợp tác rộng lớn hơn, góp phần thúc đẩy những cải cách kinh tế và quản trị tốt hơn. Campuchia có thể có được lợi thế từ nền kinh tế quy mô khi tham gia AFTA bằng cách mở rộng thị trường hàng hoá chế tạo, đồng thời thu hút FDI thông qua khu vực thương mại tự do khu vực. Trong vấn đề này, Campuchia có cơ hội thu hút FDI để giải quyết vấn đề việc làm, phát triển khu vực tư nhân trong nước; Campuchia cũng có thể tận dụng lợi thế cạnh tranh thông qua trao đổi hàng hoá và dịch vụ trong khu vực. Đồng thời, tham gia hợp tác kinh tế thông qua AFTA cũng là điều kiện để các doanh nghiệp nước này nâng cao năng suất, nâng cao chất lượng hàng hoá và dịch vụ, qua đó, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Là một trong những nước thành viên mới tham gia quá trình hội nhập, năm 1999, Campuchia sớm đưa ra sáng kiến hợp tác trong Tam giác Phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia tại khu vực ngã ba biên giới, với kỳ vọng phát huy tiềm năng và lợi thế của mình nhằm thúc đẩy các quan hệ trên các lĩnh vực kinh tế, thương mại, công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến, nông nghiệp, năng lượng, du lịch, giao thông, giáo dục, y tế. Việc phát triển khu vực tam giác Việt Nam - Lào - Campuchia sẽ góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, góp phần cải thiện và nâng cao mức sống của cư dân tại các khu vực lạc hậu và kém phát triển của ba nước.

Hướng đến một quá trình hội nhập kinh tế sâu rộng hơn trong các tổ chức khu vực và thế giới, Campuchia đã đề ra những chính sách để có thể thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu. Với việc các nước phát triển khởi xướng các sáng kiến trợ giúp mới cho các nước chậm phát triển nhằm tăng cường vai trò của thương mại quốc tế trong quá trình phát triển, Chính phủ Campuchia đã chủ trương nắm bắt lợi thế từ những cơ hội mới này. Sáng kiến đầu tiên chính là Khuôn khổ Liên kết (IF) do IMF, WB, Chương trình Phát triển của Liên Hợp Quốc (UNDP) và một số tổ chức khác thiết lập nhằm trợ giúp cho khu vực thương mại của các nước chậm phát triển. Trong số các nước chậm phát triển, Campuchia được coi là một trong ba nước đi đầu của IF và là nước đầu tiên hoàn thành Chiến lược Liên kết Thương mại dựa trên những dự báo (DTIS 2002) của chương trình này.

Năm là, tình hình ngoại thương, đầu tư và hợp tác kinh tế của Vương quốc Campuchia chưa ổn định, chịu tác động lớn từ nhân tố Trung Quốc. Nền kinh tế Campuchia trong giai đoạn 1993 - 2013 có điểm xuất phát khá thấp, do đó hoạt động ngoại thương, đầu tư và hợp tác kinh tế cũng bị ảnh hưởng chi phối từ tình hình kinh tế

quốc tế.

Trong quan hệ kinh tế, Trung Quốc là đối tác thương mại lớn của Campuchia với tư cách là một nhà nhập khẩu nguyên vật liệu và là nhà cung cấp hàng công nghiệp chế tạo giá rẻ. Campuchia là nước có mức thâm hụt thương mại lớn với Trung Quốc khi chỉ số này lên đến 830 triệu USD năm 2007 và 60% hàng hoá trên thị trường Campuchia có nguồn gốc từ Trung Quốc. Trong lĩnh vực đầu tư, vốn đầu tư trực tiếp của Trung Quốc vào Campuchia ngày càng gia tăng: từ 28,4 triệu USD năm 2000 tăng lên 451,9 triệu USD năm 2005 và 717 triệu USD năm 2006. Năm 2008, Trung Quốc vươn lên trở thành nhà đầu tư lớn nhất ở Campuchia với tổng số vốn lên đến 4,3 tỷ USD, chiếm hơn 40% tổng vốn đầu tư vào Campuchia. Trong tổng vốn FDI tích lũy được đến năm 2008 là 25,75 tỉ USD, vốn FDI của Trung Quốc chiếm tỉ lệ 23,97%. Tính riêng kể từ năm 2006 đến đầu năm 2010, FDI của Trung Quốc lên đến 6 tỉ USD.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] ASEAN Secretariat, *ASEAN Statistical Yearbook 2014 Jakarta*, July 2015, pp. 123-124.
- [2] Cambodian Investment Board, *Projects Approved by Country from 01/8/1994 through 31/12/2013*, Phnom Penh, 2014.
- [3] Điều tra kinh tế - xã hội Campuchia năm 2013, <http://www.nis.gov.kh/>.
- [4] Nguyễn Văn Hà, *Những vấn đề chính trị, kinh tế nổi bật của Campuchia giai đoạn 2011 - 2020 và tác động chủ yếu đến Việt Nam*, Đề tài cấp Bộ, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, 2011.
- [5] Key Indicators For Asia and Pacific 2008, Cambodia, [www.adb.org](http://www.adb.org).
- [6] National Institute of Statistics, Ministry of Planning, 2016; World Development Indicators Online. The World Bank, Washington D.C. Accessed 11/11/2008.
- [7] Senghuo Loem, *Foreign Direct Investment in Cambodia*, [www.khmerscholar.com](http://www.khmerscholar.com).
- [8] Trade Statistics, *Value of export and import in 2003, 2013, 2017* ([www.moc.gov.kh](http://www.moc.gov.kh)).
- [9] *Tổng kim ngạch thương mại Campuchia - Thái Lan đạt hơn 5,5 tỷ USD (tiếng Khmer)*, <http://www.cen.com.kh/local/01997598>.
- [10] TTXVN (2013), *Quan hệ Trung Quốc - Campuchia thành công và trở ngại trong tương lai*, TLTKĐB, Số 463, ngày 26/1/2013.
- [11] *U.S. Purchased US\$3 Billion Garment Products from Cambodia*, <http://www.akp.gov.kh/?p=77004>.
- [12] Working group on paddy-rice of The Royal Government and Private Sector Forum, *The Report on Cambodian Rice Export Status for 12 month of 2013*, Phnom Penh, 2014.

## **SUMMARY**

### **FOREIGN TRADE ACTIVITIES, INVESTMENTS AND ECONOMIC COOPERATION WITH EXTERNAL PARTNERS OF CAMBODIA FROM 1993 TO 2013**

This study helps to clarify key governmental policies, analyzes the developmental manifestations of foreign trade, investment and economic cooperation in Cambodia from 1993 to 2013, with two phases (1993 - 2002) and (2003 - 2013). Although the size, level and structure of these sectors were different in each stage of development, but trade in Cambodia from 1993 to 2013 continued to grow by increasing exportation; attraction and approach of investment were openly regulated; economic cooperation developed by maintaining and developing traditional cooperation, and expanding global partnerships, which was strongly influenced by China.